

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26/4/2024

Về việc “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Trung Phước

- Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Như; Ông Lò Văn Lâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Lò Văn Sơm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 26/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 21/2023/TLST- HNGĐ, ngày 27/12/2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/03/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Q**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Bản K, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Bản É, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị Q trình bày: Chị và anh Lò Văn T tự nguyện tìm hiểu rồi về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2019 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn hai năm đến khoảng tháng 11 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay uống rượu say rồi đánh đập chị, anh T không tu chí làm ăn từ đó hai vợ chồng không hợp nhau hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và

không thể kéo dài thêm. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị đã tự tìm cách khắc phục và đã được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không có kết quả gì.

Xét thấy do không còn tình cảm với Lò Văn T nữa, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục và kéo dài thêm được nữa. Chị và anh Lò Văn T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay. Vì vậy chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị và anh Lò Văn T không có con chung

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lò Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với ý kiến trên của chị Hà Thị Q đã trình bày về thời gian về chung sống và địa điểm đăng ký kết hôn. Anh và chị Hà Thị Q về chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2019 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu, ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Trong quá trình chung sống anh và chị Q chung sống hạnh phúc từ khi về chung sống và đăng ký kết hôn năm 2019 đến tháng 11 năm 2021 được khoảng hai năm đến khoảng cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị Q tự ý bỏ nhà đi, chuyển về nhà bố mẹ để chị Q ở tại bản K, xã M cho đến nay, một phần cũng do hai vợ chồng chung sống không có con cái. Cuộc sống tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh xét thấy chưa tới mức độ phải ly hôn, anh mong chị Q suy nghĩ lại cùng nhau đoàn tụ. Vì hiện nay anh vẫn còn tình cảm và yêu thương chị Q, hôn nhân của anh chị vẫn có thể hàn gắn và những mâu thuẫn vẫn có thể khắc phục được, anh đề nghị Tòa án động viên hòa giải để chị Q quay về đoàn tụ với anh. Vì vậy chị Q xin ly hôn với anh, anh không nhất trí.

Việc nuôi con chung: Anh và chị Hà Thị Q không có con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 19/02/2024, ông Hà Văn Đ là cha đẻ của chị Hà Thị Q cung cấp thông tin: Chị Q, anh T tự nguyện tìm hiểu nhau rồi đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã M. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng tháng 11 năm 2021 ông thấy chị Q điện thoại về và nói bị anh T đuổi đánh. Một thời gian sau chị Q không chịu được nên đã chuyển về sinh sống cùng gia đình từ tháng 11/2021 cho đến. Chị Q và anh T không có con chung, không có tài sản chung.

Biên bản xác minh ngày 22/02/2024, ông Lò Văn T1 là cha đẻ của anh Lò Văn T cung cấp thông tin: Về tình trạng hôn nhân: Anh Lò Văn T, chị Hà Thị Q tự nguyện tìm hiểu nhau rồi đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã M. Quá trình chung sống từ năm 2019 anh T, chị Q ở riêng và chung sống hạnh phúc đến năm 2021 không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng tháng 11 năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Anh T hay

uống rượu say rồi chửi mắng chị Q, không tu chí làm ăn, vợ chồng lời qua tiếng lại không bên nào chịu nhường bên nào. Anh T có đũa đánh chị Q. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, gia đình có can thiệp, động viên, hòa giải nhưng anh T không thay đổi. Đến cuối tháng 11/2021 chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản Khoang, xã M ở, gia đình và anh T có đến đón nhưng chị Q không về, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Ông Đoàn Văn Q1 - Phó chủ tịch UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu cung cấp thông tin: Quá trình sinh sống tại địa phương anh T, chị Q chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chưa có gì vi phạm phải xử lý. Đối với anh T, bản thân hay uống rượu say rồi lợi dụng việc say rượu đũa đánh chị Q, qua đó thể hiện việc chấp hành pháp luật của anh T là chưa được tốt, có biểu hiện bạo lực gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Nguyên đơn, Bị đơn trong vụ án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57/Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn Hà Thị Q được ly hôn với bị đơn Lò Văn T.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản Én Nọi, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Q và anh Lò Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan

hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Q, anh T chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 11/2021 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình, anh T thường xuyên uống rượu say, không tu chí làm ăn lại hay chửi mắng, đánh đập chị Q, chị Q anh T đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa anh T, chị Q không đạt được, chị Q vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh T. Tuy anh T không nhất trí ly hôn với chị Q vì cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức độ trầm trọng, hôn nhân có thể kéo dài thêm, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại gia đình cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định được mâu thuẫn của chị Q, anh T đã trầm trọng, kéo dài. Chính quyền địa phương xác nhận anh T có biểu hiện bạo lực gia đình. Vì vậy HĐXX căn cứ vào Điều 39/Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56/Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Hà Thị Q và anh Lò Văn T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57/Luật hôn nhân gia đình; Điều 39/Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Hà Thị Q được ly hôn với bị đơn Lò Văn T.

2. Về con chung: Các đương sự không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu

4. Về án phí: Nguyên đơn Hà Thị Q phải chịu 300.000^d án phí dân sự sơ thẩm, chị Q đã nộp 300.000^d tạm ứng án phí theo biên lai số 0000775, ngày 27/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, nay 300.000^d đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Ủy ban nhân dân xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Trung Phước